

Số: 17/2021/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 14515/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này và tình hình thực tế của địa phương để thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025 cho các cấp (huyện, xã) và các đơn vị.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 và giai đoạn ngân sách 2022 - 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan khối Đảng; các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Quỹ tiền lương: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương (phụ cấp chức vụ; phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp phục vụ cấp ủy; phụ cấp ưu đãi; phụ cấp thu hút; phụ cấp lưu động; phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp khu vực; phụ cấp đặc biệt; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ trách trách nhiệm công việc; phụ cấp trực 24/24 giờ ngành y tế và các loại phụ cấp theo lương khác) và các khoản đóng góp theo quy định của Nhà nước.

2. Biên chế bao gồm: Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi hoạt động thường xuyên:

a) Chi hoạt động thường xuyên bao gồm:

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí điện, nước, điện thoại, mạng internet, vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào.

- Chi thuê mướn, ký hợp đồng dịch vụ một số công việc thừa hành, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (lái xe, tạp vụ, bảo vệ, cấp dưỡng mầm non, quân sinh...) phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định.

- Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên tại đơn vị như: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan; chi cải cách hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan.

- Chi bảo dưỡng, mua sắm, sửa chữa thường xuyên các công trình, cơ sở vật chất, tài sản phục vụ công tác chuyên môn do cơ quan, đơn vị quản lý dưới 100 triệu đồng/danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa.

- Chi hoạt động tổ chức Đảng (đơn vị dự toán có trách nhiệm bố trí kinh phí theo Quyết định 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, không bao gồm các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy), chi hoạt động dân quân tự vệ, hoạt động tổ chức đoàn, hội tại các cơ quan.

- Chi nhiệm vụ dạy nghề phổ thông, bồi dưỡng học sinh giỏi tại các cơ sở giáo dục.

- Chi tiền làm thêm giờ, chi phúc lợi cơ quan, tiền nghỉ phép năm, chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định, chi hỗ trợ khác do cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

b) Không bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ đặc thù của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân và các kinh phí đặc thù khác của các đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Chi trang phục ngành theo quy định của trung ương.

- Chi tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân tập trung, chi tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các địa điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính một cửa tập trung tại tỉnh, huyện, xã.

- Chi tăng giờ trong trường hợp đặc biệt, do nguyên nhân khách quan, số chi chế độ làm thêm giờ lớn hoặc cần thiết phải thuê, mượn, điều động từ các đơn vị khác để đảm bảo công việc. Chi tăng giờ tại Trường Chính trị tỉnh và trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật.

- Chi hợp đồng thực hiện các chức năng nghiệp vụ (trung tâm dịch vụ hành chính công, cơ sở điều trị nghiện ma túy, trung tâm Công tác xã hội, Ban quản lý Nghĩa trang, Trung tâm Tổ chức sự kiện, Bảo tàng tỉnh, Chi cục Thủy sản,...), các hợp đồng công việc khác do cấp thẩm quyền quyết định.

4. Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định.

5. Chi hoạt động đặc thù: Là các khoản chi được cấp có thẩm quyền giao phát sinh ngoài các khoản chi thường xuyên phục vụ cho các hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo khoản 3 Điều này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, đảm bảo kinh phí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng giai đoạn 2021-2025 theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương; đảm bảo tổng mức dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thành phố năm 2022 không thấp hơn mức dự toán đầu năm 2021 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Đảm bảo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành đến ngày 30/9/2021, chưa bao gồm chế độ hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng, hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), công an xã không chính quy, dân quân tự vệ, dân phòng.

3. Đảm bảo chi hoạt động, thực hiện quyền tự chủ tài chính đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; thu nhập tăng thêm trên mặt bằng chung; thúc đẩy thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên; ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên để tiến hành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công khai, minh bạch.

6. Định mức, nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên các cấp ngân sách dưới đây để xác định tổng chi thường xuyên ngân sách các cấp (trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ). Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ dự toán được cấp trên giao, nhu cầu chi, khả năng ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương.

7. Định mức khoán chi hoạt động thường xuyên là mức chi tối đa, bao gồm các khoản tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương hoặc tiết kiệm để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định điều hành hàng năm của Bộ Tài chính (nếu có).

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025

1. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

a) Chi cho con người:

- Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế cán bộ, công chức thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

b) Khoản chi hoạt động thường xuyên:

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

- Các Sở chủ quản, Ban, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: 70 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đơn vị hành chính trực thuộc các sở: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

2. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách đảm bảo chi thường xuyên:

a) Các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

- Khoản chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và khu vực, loại hình như sau:

+ Khu vực thành phố Biên Hòa: 25 triệu đồng/biên chế/năm

+ Khu vực các huyện, thành phố khác: 30 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Phân bổ một số loại hình trường có tính chất đặc thù như sau:

Đối với Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật, trường Trung học phổ thông Năng khiếu thể dục thể thao: 45 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với trường dân tộc nội trú: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

- Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

b) Các đơn vị sự nghiệp y tế.

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

- Khoản chi hoạt động thường xuyên: 50 triệu đồng/biên chế/ năm.

- Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

c) Các đơn vị sự nghiệp khác.

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

- Khoán chi hoạt động thường xuyên: 45 triệu đồng/ biên chế/năm

- Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

3. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên: Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi cho các hội đặc thù và các tổ chức đoàn thể - xã hội được giao biên chế.

- a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được phê duyệt).

- b) Khoán chi hoạt động thường xuyên: 55 triệu đồng/biên chế/năm.

- c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp huyện năm 2022

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội:

- a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện và 2,34 lần lương cơ sở/biên chế chưa tuyển (nằm trong hạn mức biên chế được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt).

Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng phần bổ sung thêm trên, cân đối chung ngân sách đảm bảo phần tăng chi con người trong năm dự toán do tuyển thêm các biên chế chưa tuyển và kinh phí thực hiện các chính sách thôi việc đối với cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

- b) Khoán chi hoạt động thường xuyên cho các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội:

- Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: 70 triệu đồng/biên chế/năm.

- Phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện: 65 triệu đồng/biên chế/năm.

- c) Phân bổ dự toán chi cho các hội đặc thù và các tổ chức đoàn thể - xã hội được giao biên chế:

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được phê duyệt).

- Khoán chi hoạt động thường xuyên: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

- Chi khác trong hoạt động quản lý nhà nước: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- + Thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/người dân/năm.
- + Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 26.000 đồng/người dân/năm
- + Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 27.000 đồng/người dân/năm.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- a) Thành phố Biên Hòa: 15.000 đồng/người dân/năm.
- b) Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 17.000 đồng/người dân/năm
- c) Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 18.000 đồng/người dân/năm.

3. Định mức chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- a) Thành phố Biên Hòa: 6.000 đồng/người dân/năm.
- b) Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 8.000 đồng/người dân/năm
- c) Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 10.000 đồng/người dân/năm.

4. Định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- a) Thành phố Biên Hòa: 6.000 đồng/người dân/năm.
- b) Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 8.000 đồng/người dân/năm
- c) Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 10.000 đồng/người dân/năm.

5. Định mức phân bổ chi an ninh: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- a) Thành phố Biên Hòa: 8.000 đồng/người dân/năm.
- b) Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 10.000 đồng/người dân/năm
- c) Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 11.000 đồng/người dân/năm.

6. Định mức phân bổ chi quốc phòng: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- a) Thành phố Biên Hòa: 35.000 đồng/người dân/năm.
- b) Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 60.000 đồng/người dân/năm
- c) Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 65.000 đồng/người dân/năm.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

- a) Định mức phân bổ theo dân số: 12.000 đồng/người dân/năm.
- b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm:
 - Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội.
 - Kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách.
 - Kinh phí thực hiện chính sách chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế: Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

a) Phân bổ theo hệ số trên tổng mức chi các lĩnh vực từ khoản 2 đến khoản 6 Điều 6 và phân theo từng địa phương như sau:

- Thành phố Biên Hòa hệ số: 1,8 lần
- Thành phố Long Khánh hệ số: 1,5 lần
- Các huyện còn lại hệ số: 1,3 lần

b) Tính thêm về công tác quản lý đô thị:

- Đô thị loại 1: 140.000 triệu đồng/năm.
- Đô thị loại 2: 85.000 triệu đồng/năm.
- Đô thị loại 3: 24.000 triệu đồng/năm.
- Đô thị loại 4: 17.000 triệu đồng/năm.
- Đô thị loại 5: 8.500 triệu đồng/năm.

c) Định mức theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí.

10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp quản lý môi trường:

Phân bổ ngân sách đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn. Ngoài ra phân bổ thêm 14.000 đồng/người dân/năm để thực hiện các nhiệm vụ quản lý môi trường khác trên địa bàn.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục công lập:

a) Chi cho con người: đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được duyệt) và 2,34 lần lương cơ sở/biên chế chưa tuyển (biên chế nằm trong hạn mức biên chế được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt).

Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng phần bổ sung thêm trên, cân đối chung ngân sách đảm bảo phần tăng chi con người trong năm dự toán do tuyển thêm các biên chế chưa tuyển và kinh phí thực hiện các chính sách thôi việc theo quy định của Luật Viên chức.

b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và phân theo cấp học, khu vực như sau:

Cấp học	Định mức một biên chế/năm (triệu đồng)
1. Mẫu giáo	
Thành phố Biên Hòa	37
Các huyện, thành phố khác	42
2. Tiểu học, THCS	
Thành phố Biên Hòa	25
Các huyện, thành phố khác	30

Một số loại hình trường có tính chất đặc thù được phân bổ như sau:

+ Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Áp dụng theo mức phân bổ các cấp học tiểu học, THCS

+ Đối với trường dân tộc nội trú: 60 triệu đồng/ biên chế/ năm.

c) Phân bổ chi hoạt động chung ngành theo tiêu chí dân số:

- Thành phố Biên Hòa: 5.000 đồng/người dân/năm.

- Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 10.000 đồng/người dân/năm.

- Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 15.000 đồng/người dân/năm.

d) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhà giáo không chuyên trách giảng dạy cho người khuyết tật.

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- a) Thành phố Biên Hòa: 6.000 đồng/người dân/năm.
- b) Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 12.000 đồng/người dân/năm
- c) Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 20.000 đồng/người dân/năm.

13. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ, căn cứ trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ, số giao chỉ tiêu của Chính phủ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học và công nghệ của từng địa phương hằng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2022.

1. Chi quản lý hành chính:

a) Chi cho con người:

- Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được quy định).

- Khoản quỹ phụ cấp và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: 50 triệu đồng/biên chế cán bộ, công chức/năm.

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ định mức khoản chi hoạt động thường xuyên, mức khoản quỹ phụ cấp và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) và các quy định có liên quan, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính.

2. Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin:

- a) Đối với xã loại I: 41 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 39 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 35 triệu đồng/xã/năm.

3. Chi sự nghiệp phát thanh:

- a) Đối với xã loại I: 34 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 32 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 29 triệu đồng/xã/năm.

4. Chi sự nghiệp thể dục thể thao:

- a) Đối với xã loại I: 39 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 35 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 33 triệu đồng/xã/năm.

5. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

- a) Đối với xã loại I: 32 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 29 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 26 triệu đồng/xã/năm.

6. Chi bảo đảm an ninh:

- a) Đối với xã loại I: 800 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 780 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 750 triệu đồng/xã/năm.

7. Chi quốc phòng:

- a) Đối với xã loại I: 1.350 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 1.300 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 1.250 triệu đồng/xã/năm.

8. Chi sự nghiệp kinh tế:

- a) Đối với xã loại I: 114 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: 108 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: 103 triệu đồng/xã/năm.

9. Chi hoạt động thường xuyên của các hội, đoàn thể cấp xã, ấp (khu phố):

- a) Đối với xã loại I: Mức khoán 108 triệu đồng/xã/năm.
- b) Đối với xã loại II: Mức khoán 97 triệu đồng/xã/năm.
- c) Đối với xã loại III: Mức khoán 86 triệu đồng/xã/năm.
- d) Đối với ấp (khu phố): Mức khoán 17 triệu đồng/ấp (khu phố)/năm.

10. Chi hoạt động khác:

- a) Phân bổ theo phân loại xã:
 - Đối với xã loại I: Mức khoán 600 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với xã loại II: Mức khoán 550 triệu đồng/xã/năm.
- Đối với xã loại III: Mức khoán 500 triệu đồng/xã/năm.

b) Phân bổ kinh phí thực hiện Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức trợ cấp đối với trưởng các đoàn thể ở ấp (khu phố) và kinh phí hoạt động cho tổ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Đã bao gồm các hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn như: Chi nhà văn hóa trung tâm, Trung tâm Học tập cộng đồng, chi tổ nhân dân, chi hỗ trợ các tổ chức hội, đoàn thể,...).

Điều 8. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025

Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 được xác định trên cơ sở dự toán chi thường xuyên năm đầu chu kỳ ngân sách - năm 2022 được xác định theo Điều 6 và Điều 7 và điều chỉnh (tăng, giảm) theo nguyên tắc:

1. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên và tình hình thực tế của ngân sách cấp dưới, Ủy ban nhân dân được trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định.

2. Các năm trong chu kỳ, nếu có phát sinh chính sách mới do cấp thẩm quyền ban hành, ngân sách cấp trên sẽ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới không tự cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới tự cân đối ngân sách theo khả năng của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của ngân sách cấp dưới. Các năm trong chu kỳ, nếu có chính sách hết hiệu lực, ngân sách cấp trên giảm trừ bổ sung cân đối ngân sách cấp dưới không tự cân đối và giảm trừ số bổ sung mục tiêu đối với các đơn vị tự cân đối ngân sách.

3. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách cấp dưới để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau: Bổ sung kinh phí các chính sách chưa có trong định mức, dự toán được giao đầu năm; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác phần giao cho cấp dưới thực hiện; hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, nhiệm vụ cụ thể khác./.